diàn xiàn

电线

Noun · electric wire

Example Sentences

zhè shì diàn xiàn
这是电线。
This is an electric wire.

xiǎo xīn bié pèng dào diàn xiàn
小心别碰到电线。
Be careful not to touch the electric wire.

gōng rén men zhèng zài ān zhuāng xīn de diàn xiàn
工人们正在安装新的电线。
The workers are installing new electric wires.
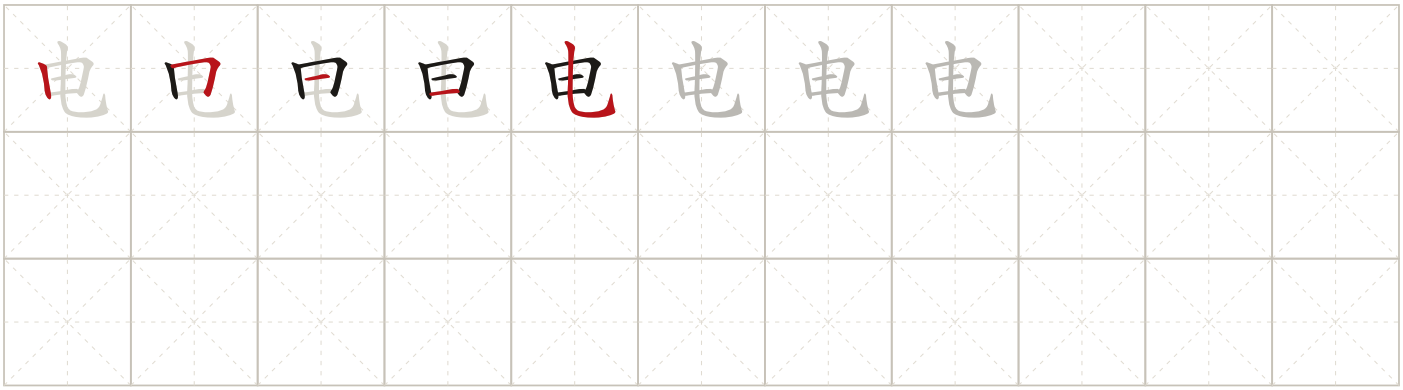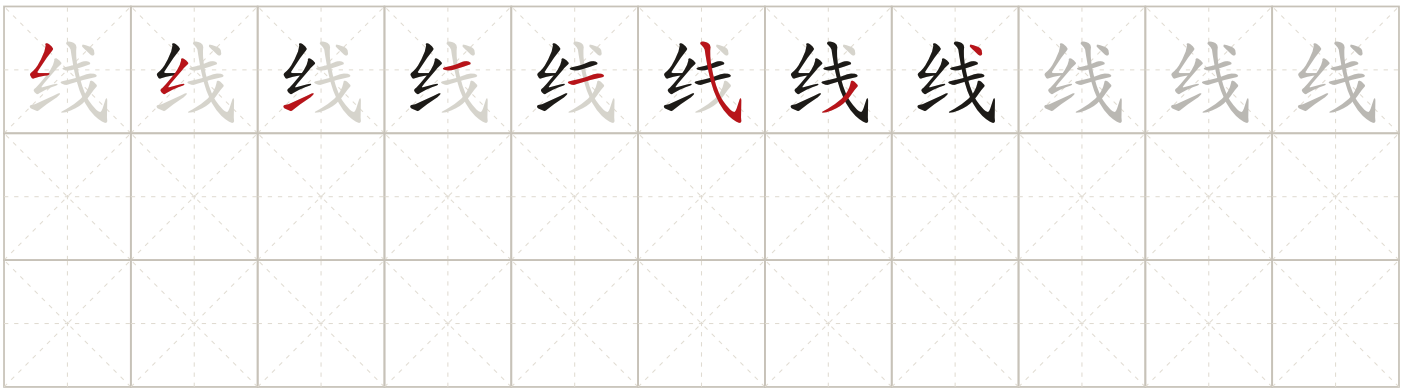
Trace each character, then write the word on your own.